

Số: 124/2018/NQ-HĐND

Vĩnh Long, ngày 06 tháng 7 năm 2018

NGHỊ QUYẾT

**Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng
phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản
trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG
KHOÁ IX, KỲ HỌP THỨ 08**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 164/2016/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản;

Xét Tờ trình số 76/TTr-UBND ngày 05 tháng 6 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách, Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh, cụ thể như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng chịu phí

a) Nghị quyết này quy định về đối tượng chịu phí, người nộp phí, mức thu, cơ quan thu, đối tượng không nộp phí, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản.

b) Đối tượng chịu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản theo Nghị quyết này là hoạt động khai thác khoáng sản không kim loại.

2. Đối tượng áp dụng

a) Các tổ chức, cá nhân hoạt động khai thác khoáng sản.

b) Các cơ quan nhà nước và tổ chức, cá nhân liên quan trong việc quản lý, thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản.

3. Đối tượng không nộp phí

a) Tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường trong diện tích đất ở thuộc quyền sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân để xây dựng các công trình của hộ gia đình, cá nhân trong diện tích đó.

b) Đất, đá khai thác để san lấp, xây dựng công trình an ninh, quân sự, phòng chống thiên tai, khắc phục, giảm nhẹ thiên tai.

4. Mức thu phí

a) Cát san lấp (không kể cát vàng, cát trắng): 4.000 đồng/m³.

b) Đất khai thác để san lấp, xây dựng công trình: 2.000 đồng/m³.

c) Đất sét làm gạch, ngói, gốm: 2.000 đồng/m³.

d) Các loại đất khác: 2.000 đồng/m³.

5. Cơ quan thu phí: Giao cơ quan thuế quản lý trực tiếp nơi có hoạt động khai thác khoáng sản.

6. Cơ chế quản lý và sử dụng phí

a) Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản là khoản thu ngân sách địa phương hưởng 100%, cụ thể như sau:

- Doanh nghiệp khai thác do Cục thuế quản lý: ngân sách tỉnh hưởng 70%, ngân sách cấp huyện nơi khai thác hưởng 30%;

- Doanh nghiệp khai thác do Chi cục thuế quản lý ngân sách cấp huyện nơi khai thác hưởng 70%, ngân sách tỉnh hưởng 30%.

b) Khoản thu tại Điểm a Khoản này dùng để hỗ trợ cho công tác bảo vệ và đầu tư cho môi trường tại địa phương theo Luật bảo vệ môi trường và Luật ngân sách nhà nước, theo các nội dung cụ thể sau:

- Phòng ngừa và hạn chế các tác động xấu đối với môi trường tại địa phương nơi có hoạt động khai thác khoáng sản;

- Khắc phục suy thoái, ô nhiễm môi trường do hoạt động khai thác khoáng sản gây ra;

- Giữ gìn vệ sinh, bảo vệ và tái tạo cảnh quan môi trường tại địa phương nơi có hoạt động khai thác khoáng sản.

7. Các nội dung khác về phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản thực hiện đúng quy định tại Nghị định số 164/2016/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản.

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Giao Thường trực, các Ban, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh phối hợp với Thường trực, các Ban, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long khóa IX, kỳ họp thứ 08 thông qua ngày 06 tháng 7 năm 2018, có hiệu lực từ ngày 16 tháng 7 năm 2018.

2. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 23/2016/NQ-HĐND ngày 03 tháng 8 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tài chính, Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Tỉnh ủy, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH đơn vị tỉnh Vĩnh Long;
- Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, HĐND, UBND, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Sở: Tư pháp, Tài chính, TN&MT;
- HĐND, UBND cấp huyện;
- Công báo tỉnh, Trang tin HĐND;
- Lưu: VT, TH.

CHỦ TỊCH

Đã ký: Trương Văn Sáu